

DỰ TOÁN THU - CHI NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 51/QĐ-MNQT ngày 05/10/2024 của Trường Mầm non Quán Trữ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ, DỊCH VỤ	
I	Số thu phí, lệ phí, dịch vụ	
1	Học phí	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
1.2	Mức thu 203.000 đồng/hs/tháng	
1.3	Tổng số thu trong năm	712.530.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	712.530.000
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	712.530.000
1.6	Số chi trong năm	712.530.000
	Trong đó: - 100% Chi lương, tạo nguồn cải cách tiền lương	712.530.000
1.7	Số dư cuối năm	0
1.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo	
	-Năm học 2025-2026: 203.000 đồng/hs/tháng	
	-Năm học 2026-2027: 203.000 đồng/hs/tháng	
2	Dịch vụ: Tiền ăn bán trú, Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động bán trú; Tiền hỗ trợ người nấu ăn, phục vụ chăm ăn, quản lý; Tiền quản lý trẻ ngoài giờ hành chính; Tiền quản lý, chăm sóc trẻ ngày thứ 7; Tiền học thêm tiếng Anh; Tiền trông giữ xe	
2.1	Tiền ăn bán trú	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	233.382.508
2.1.2	Mức thu 27.000 đồng/hs/ngày	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.676.700.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.910.082.508
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	1.910.082.508
	Số chi trong năm	1.676.700.000
2.1.6	Trong đó: - Chi mua lương thực, thực phẩm phục vụ nấu ăn	1.552.500.000
	- Chi mua nhiên liệu phục vụ nấu ăn	124.200.000
2.1.7	Số dư cuối năm	233.382.508
2.1.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo	
	-Năm học 2025-2026: 30.000 đồng/hs/ngày	
	-Năm học 2026-2027: 30.000 đồng/hs/ngày	
2.2	Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động bán trú	
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.2.2	Mức thu 360.000 đồng/hs/năm với trẻ mới tuyển hoặc trang bị lần đầu	
	Mức thu 200.000 đồng/hs/năm với trẻ cũ (các năm học tiếp theo)	
2.2.3	Tổng số thu trong năm	98.160.000

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	98.160.000
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	98.160.000
2.2.6	Số chi trong năm	98.160.000
2.2.7	Trong đó:	0
	- Chi mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú cho cá nhân trẻ	98.160.000
2.2.8	Số dư cuối năm	
2.2.9	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo	
	-Năm học 2025-2026: 200.000 đồng/hs cũ/năm; 360.000 đồng/hs mới/năm	
	-Năm học 2026-2027: 200.000 đồng/hs cũ/năm; 360.000 đồng/hs mới/năm	
2.3	Tiền hỗ trợ người nấu ăn, phục vụ chăm ăn, quản lý	
2.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.3.2	Mức thu 150.000 đồng/hs/tháng	
2.3.3	Tổng số thu trong năm	526.500.000
2.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	526.500.000
2.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	526.500.000
2.3.6	Số chi trong năm	526.500.000
	Trong đó: - Chi nộp thuế theo quy định	10.530.000
	- Chi bù lương, bảo hiểm, công đoàn cho nhân viên nấu ăn	245.287.541
	- Chi tiền công cho nhân viên, người lao động trực tiếp nấu ăn, chăm ăn	167.488.459
	- Chi tiền công tác quản lý ăn bán trú	103.194.000
2.3.7	Số dư cuối năm	
2.3.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo	
	-Năm học 2025-2026: 150.000 đồng/hs/tháng	
	-Năm học 2026-2027: 150.000 đồng/hs/tháng	
2.4	Tiền quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	
2.4.1	Số dư năm trước chuyển sang	11.152.000
2.4.2	Mức thu 8.000 đồng/hs/giờ	
2.4.3	Tổng số thu trong năm	1.065.600.000
2.4.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.076.752.000
2.4.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	1.076.752.000
2.4.6	Số chi trong năm	1.065.600.000
	Trong đó: - Chi nộp thuế theo quy định	21.312.000
	- Chi tiền công cho giáo viên, người lao động trực tiếp quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	835.430.400
	- Chi tiền công tác quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	208.857.600
2.4.7	Số dư cuối năm	11.152.000
2.4.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo	
	-Năm học 2025-2026: 8.000 đồng/hs/giờ	
	-Năm học 2026-2027: 10.000 đồng/hs/giờ	
2.5	Tiền quản lý, chăm sóc trẻ ngày thứ 7	
2.5.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.5.2	Mức thu 50.000 đồng/hs/ngày	
2.5.3	Tổng số thu trong năm	428.800.000
2.5.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	428.800.000
2.5.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	428.800.000

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
2.5.6	Số chi trong năm	428.800.000
	Trong đó: - Chi nộp thuế theo quy định	8.576.000
	- Chi tiền công, bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động trực tiếp làm	420.224.000
2.5.7	Số dư cuối năm	0
2.5.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo	
	-Năm học 2025-2026: 50.000 đồng/hs/ngày	
	-Năm học 2026-2027: 50.000 đồng/hs/ngày	
2.6	Tiền học thêm tiếng Anh	
2.6.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.6.2	Mức thu 250.000 đồng/hs/tháng	
2.6.3	Tổng số thu trong năm	542.250.000
2.6.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	542.250.000
2.6.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	542.250.000
2.6.6	Số chi trong năm	542.250.000
	Trong đó: - Chi nộp thuế theo quy định	3.253.500
	-Trích chuyển trả trung tâm Anh ngữ	379.575.000
	-Chi hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất	73.203.750
	-Chi giáo viên hỗ trợ lớp, công tác quản lý chỉ đạo	86.217.750
2.6.7	Số dư cuối năm	0
2.6.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo	
	-Năm học 2025-2026: 250.000 đồng/hs/tháng	
	-Năm học 2026-2027: 250.000 đồng/hs/tháng	
2.7	Tiền trông giữ xe	
2.7.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
2.7.2	Mức thu 30.000 đồng/xe/tháng	
2.7.3	Tổng số thu trong năm	91.800.000
2.7.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	91.800.000
2.7.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước	91.800.000
2.7.6	Số chi trong năm	91.800.000
	Trong đó: - Chi nộp thuế theo quy định	9.180.000
	-Chi hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất phục vụ hoạt động trông giữ xe	46.620.000
	-Chi công cho GVNV, người lao động trông giữ xe	36.000.000
2.7.7	Số dư cuối năm	0
2.7.8	Dự kiến mức thu 02 năm tiếp theo	
	-Năm học 2025-2026: 30.000 đồng/xe/tháng	
	-Năm học 2026-2027: 30.000 đồng/xe/tháng	
II	Chi từ nguồn thu phí, dịch vụ được để lại	
I	Chi sự nghiệp	5.142.340.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.142.340.000
	Chi thanh toán cá nhân	3.194.804.750
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất	217.983.750
	Chi khác	1.729.551.500
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
2	Chi quản lý hành chính	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí, dịch vụ nộp ngân sách nhà nước	5.386.874.508
1	Học phí	712.530.000
2	Ăn bán trú	1.910.082.508
3	Mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động bán trú	98.160.000
4	Hỗ trợ người nấu ăn, phục vụ chăm ăn, quản lý	526.500.000
5	Quản lý trẻ ngoài giờ hành chính	1.076.752.000
6	Quản lý, chăm sóc trẻ ngày thứ 7	428.800.000
7	Học thêm tiếng Anh	542.250.000
8	Trông giữ xe	91.800.000
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	

NGƯỜI LẬP

Phạm Thị Thanh Huyền

Kiến An, ngày 05 tháng 10 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thu Hương